

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

1/ *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn H; cư trú tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

2/ *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị H1; cư trú tại Chung cư H, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 7, Điều 26; điểm a, khoản 5, điểm a, b, khoản 6, Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/4/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn H và bà Huỳnh Thị H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn H và bà Huỳnh Thị H1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Con chung là Phạm Huỳnh Ngọc H2, sinh ngày 25/5/1995 đã trưởng thành nên không đề cập, hai bên thỏa thuận giao con chung tên Phạm Huỳnh Thanh T sinh ngày 27/12/2005 cho bà Huỳnh Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Các bên xác nhận không có nợ chung.

2.5. Về án phí: ông Phạm Văn H thỏa thuận chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007891 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông H được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Châu Thạch